

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA PHẬT **HT. Thích Trí Tạng dịch**

Lời mở đầu

Đây là thông điệp cuối cùng của Đức Phật trao cho hàng đệ tử khi Phật sắp thị tịch niết bàn ở rừng Sala song thụ, thuộc thành Câu-thi-na-yết-la (Kussinagaya), Ấn Độ, trong đêm trăng tròn tháng 2 âm lịch, cách nay 2523 năm _ dương lịch 1980.

Kể từ ngày ấy đến nay, lịch sử ghi dấu về con người và cuộc đời, đã có biết bao sự đổi thay! Trải qua biết bao triều đại hưng suy! Cũng như đã có những nền văn hoá, văn minh của loài người qua từng thời kỳ rực rỡ rồi tàn lụi! Hầu hết, những di sản tinh thần và vật chất ấy, hiện nay chỉ còn là những dấu vết hoang tàn, những mảnh vụn chữ nghĩa, ghi chép trong các sách thánh hiền, và được coi đó như những bảo vật lưu trữ tại các cổ thư viện, bảo tàng viện. Nhưng với con người muôn thuở, về tính thể, vẫn có

những nét giống nhau; nếu có sự khác biệt thì đó là về cảm nghĩ, về lối sống, về hoàn cảnh xã hội con người thuở xưa có khác con người ngày nay. Đức Phật sinh ra trong thế giới loài người nhưng Phật là đấng Giác Ngộ - Người Phật - nên Phật thấu hiểu những nỗi lo toan, băn khoăn, thắc mắc về (khấp mặt) tâm lý, tình cảm, về trí tuệ, đạo đức, về lối sống của con người và, do vậy, giáo pháp của Phật rất thân thiết, gần gũi với chúng ta. Giáo pháp ấy là tổng hợp mọi khuôn nếp sống và quán triệt hết những gì là tinh hoa cao đẹp nhất của con người và vạn hữu- một nền giáo lý xây dựng trên sự thật về con người và về cuộc đời : lấy CON NGƯỜI làm chủ điểm để giải quyết những việc liên quan đến cuộc sống con người. Đây là tất cả Sự Thật (mà) trong kinh gọi là khế lý và khế cơ. Khế lý có nghĩa giáo lý của Đức Phật là sự thật, đúng chân lý. Khế cơ, tức giáo pháp ấy thích hợp với mọi trình độ con người và xã hội loài người, trong khắp các thời đại.

Phần nội dung và chủ yếu của thông điệp là thuyết minh về pháp "Tứ đế"(1) và "Lục độ"(2), là hai nguyên lý căn bản nhằm giáo dục con người cách tu dưỡng thân tâm, diệt trừ mọi nỗi nguy khốn, khổ đau, hồng giúp con người xây dựng một Xã hội người thực sự văn minh, nhân bản và hạnh phúc, một lối sống cao đẹp của Đạo Làm Người. Và, muốn được như vậy, Đức Phật khuyên con người hãy sống thương yêu, hỷ xả ...và đừng bao giờ tạo "nghiệp" gây khổ não cho nhau, vì mọi con người đều đáng thương, đều cần phải được sống xứng đáng cho trọn kiếp người. Mọi con người đều đáng tôn trọng và cần được phụng sự.

Dưới đây tôi xin dẫn một đoạn nói về pháp "Tứ Đế" do tôn giả A-Nâu-Lâu-Đà (Anurudha), một cao đệ của Đức Phật, thuyết trình trước liệt vị thánh tăng vân tập ở rừng Sa La song thụ, khi Đức Thế Tôn sắp tịch diệt niết bàn, để tất cả chúng ta cùng lĩnh hội, suy ngẫm và thực hành.

"... Mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, chứ chân lý Tứ Đế không thể nào khác được. Như Đức Phật dạy : Khổ đế, sự thật là khổ, quyết không có gì là vui sướng cả. Mà chính Tập đế là nhân

(nguyên nhân gây ra mọi nỗi khổ đau), hẳn không có nhân nào khác. Vậy Diệt khổ tức là diệt trừ nguyên nhân. Nhân mà diệt thì quả cũng bị diệt.

ĐẠO DIỆT KHỔ TỨC LÀ CHÍNH ĐẠO, NGOÀI RA KHÔNG CÒN ĐẠO NÀO KHÁC NỮA."

Trong pháp Tứ Đế gồm có Thập Nhị Nhân Duyên(3) và Bát Chính đạo(4) . Mà giáo lý Thập Nhị Nhân Duyên là trình bày sự hình thành về vũ trụ và về con người một cách chính xác, khoa học(5). Tuy nhiên, Đức Phật rất khiêm tốn, Phật chỉ nhận mình như một vị Y Vương, và giáo pháp của Phật như là những liều thuốc thần hiệu, uống hay không uống, tùy mỗi bệnh nhân sử dụng nó. Lại như kẻ dẫn đường giỏi, dắt loài người về nẻo chính, nghe mà không đi theo, thì đó không phải lỗi của kẻ dẫn đường.

Đạo Phật là một triết lý sống, một đạo đã mang lại ánh sáng Trí Tuệ, Niềm Tin và Tình Thương đến với con người và cuộc đời...

Viết tại tổ đình Giác Minh, PL 2523 - DL 1980

Sramana TRÍ TANG

KINH PHẬT DẠY LẦN CUỐI **KHI SẮP NIẾT BÀN**

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc bắt đầu chuyển pháp Luân (Dhammachakkapavattanasoutta) độ cho tôn giả A Nhã Kiều Trần Như (Ajnata Kaundinya); lần giảng Pháp cuối cùng, độ cho trưởng lão Tu Bạt Đà La (Subhadra). Và những ai mong cầu được cứu độ, Đức Phật đều bình đẳng hóa độ cho hết cả. Ngay khi Phật sắp tịch diệt (niết bàn) ở rừng Sa La song thụ; lúc ấy khoảng nửa đêm, bầu trời tịch mịch, không một âm vang, Đức Phật vì lòng thương các đệ tử mà lược thuyết những Pháp Yếu như sau : III

* Các thầy Tỷ khưu, sau khi Ta tịch diệt, các thầy hãy trân trọng tôn kính TỊNH GIỚI, như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo được của báu. Phải coi giới luật là bậc đại sư của các thầy cũng như lúc Ta còn ở đời, không khác. Mà giữ tịnh giới, các thầy không được buôn bán, dối chác, tạo lập vườn nhà làm của riêng, chứa chấp kẻ tội đồ, cùng chăn nuôi các loại sinh động vật.

Cho đến các thứ báu vật đều nên tránh xa như tránh xa lò lửa. Cũng không được phá hủy cây cối, khai khẩn ruộng đất, xem tướng lành dữ, coi sao, đoán điềm, lấy số, bói toán ... đều là những việc không nên làm. Hãy tiết chế thân tâm, ăn ngủ đúng giờ, giữ gìn đời sống thanh tịnh. Ngoài ra, các thầy còn không nên dự vào các công việc thế tục, như nhận lĩnh sứ thần, thông báo tin tức, luyện chú, vẽ bùa, làm giả thuốc thánh, kết bạn với người quyền quý, thân cận kẻ càn dỡ, xấu láo. Phải đoạn tâm chính niệm để cầu tự độ. Không được bên trong thì dấu nệ thói xấu của mình, mà bề ngoài lại giả vờ đạo đức, hòng lừa bịp quần chúng. Đối với bốn món cúng dường² chỉ cần "vừa đủ", không nên chứa góp khi được cúng dường. Đây là lược thuyết về tướng trạng của sự giữ giới.

"Giới" là đường chính, nẻo thuận, và là gốc của giải thoát, cũng gọi là Ba -la- đề- mộc - xoa (Pratimoksha).

2 Bốn món của đàn việt cúng dường chư Tăng là : các thức ăn uống, quần áo, chăn màn và thuốc thang.

Muốn dứt trừ khổ đau, thủ đắc phép thiền định để đạt được trí tuệ, ta không thể không nương vào sự giữ giới mà có. Nên các thầy phải giữ tịnh giới, không được lơ là, hủy phạm. Ai chuyên giữ tịnh giới ắt hưởng mọi pháp lành; nếu tịnh giới không giữ, thì các công đức tốt đẹp không thể nảy sinh. Phải biết rằng : giới là nơi trú ngụ an ổn công đức đệ nhất. 1

* Các thầy Tỷ khuru, đã hay giữ tịnh giới ; còn cần phải biết cách tự chế, không cho năm căn3 đông dờ đuổi theo năm dục vọng4 . Cũng như người chần trâu, cầm roi trông chừng, là cột giữ trâu khỏi ăn lúa mạ nhà người ta. Nếu bỏ mặc năm căn, thì chẳng những năm dục vọng sẽ vô cùng bừa bãi, mà còn không thể chế ngự được và, như vậy, khác gì con ngựa dữ, không có dây cương kìm hãm, có lúc nó sẽ kéo người ta sa xuống hố hầm. Tuy (việc đó) có bị bức hại, cũng chỉ trong một đời; chứ bọn giặc năm căn thì gieo tai vạ cho nhiều đời ! Ách

nạn ấy mới thật khủng khiếp, há lại không thận trọng ư? Cho nên người có trí sáng, phải chế ngự nó mà không dễ dãi, và đề phòng nó như bọn giặc, chớ để buông thả! Nếu để buông thả năm căn, chẳng bao lâu chúng sẽ tác hại. Mà năm căn, tâm là chủ động : các thầy phải khéo léo lắm mới chế ngự nổi nội tâm. Cái " tâm " thật đáng sợ, đáng sợ hơn rắn độc, thú dữ, oán tặc. Và cả lửa cháy phừng phừng nữa cũng chưa thể đem so sánh được với tâm. Như một kẻ tay cầm bình mật, chân bước đi vội vã, chỉ biết có bình mật mà không thấy được hổ sâu ! Như con voi điên dại không có khóa chân ; con vượn, con khỉ leo trèo, nhảy nhót trên cành cây, khó mà cấm cản nổi chúng. Phải gấp điều phục chúng. Chớ có buông xuôi, bỏ mặc Ai bỏ mặc cho tâm chạy theo sở thích, người ấy đã đánh mất hết mọi sự tốt lành.

Nhưng nếu biết chế ngự nội tâm, mọi việc sẽ chu toàn cả. Do đây, là Tỷ khuru, các thầy phải siêng năng tinh tiến, cần chiết phục được nội tâm mình. l

3 Năm căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.

4 Năm món ham muốn : tiền của, nữ sắc, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ.

* Các thầy Tỷ khuru, khi thụ dụng thức ăn uống, nên coi như dùng thuốc, ngon hay không ngon, cũng không ăn thêm lên hoặc ăn bớt đi. Mà chỉ coi sự ăn uống cốt sao để nuôi thân khỏi đói khát, thể thôi. Như con ong hút nhụy hoa mà không làm tổn hại đến sắc hương, Tỷ khuru cũng nên như thế : khi nhận món cúng dường của thí chủ, các thầy nên coi đó như liều thuốc dùng để chữa bệnh tật, không được tham cầu quá mức khiến cho tâm thiện bị hủy hoại. Cũng như người có trí tuệ, lường biết sức lực con bò chớ được nhiều hay ít; không để bò chớ quá nặng đến phải kiệt sức. l

* Các thầy Tỷ khuru, ban ngày cần đề tâm siêng năng tu tập pháp lành, chớ bỏ phí thì giờ! Đầu hôm, sớm mai cũng đừng bỏ phí! Nửa đêm thì tụng kinh để tiêu trừ phiền não. Không vì chút lý do ngủ nghỉ làm hỏng cả cuộc đời, đến trở thành vô ích! Phải luôn suy niệm về lẽ vô thường, và coi đó như ngọn lửa đốt cháy thế gian mà gấp lo tu tập bản thân. Chớ có ham ngủ nghỉ. Bọn giặc phiền não thường rình rập ám hại

người, thực nguy hiểm, nguy hiểm còn hơn cả oán thù truyền kiếp. Các thầy há lại lấy sự ngủ nghỉ làm trọng mà không sớm tỉnh thức đó sao? - "Phiền não" chính là con rắn độc ở ngay nội tâm các thầy, cũng như con rắn đen núp trong căn buồng nơi các thầy thường ngủ. Các thầy hãy lấy lưỡi câu giới luật mà sớm trừ diệt nó đi. Chỉ chừng nào bọn giặc phiền não ra khỏi nội tâm rồi, ta mới được tự tại, nghỉ ngơi. Nếu biết chúng còn ẩn núp ở đâu đó mà vẫn yên ngủ, thì đây hẳn là người không biết hổ thẹn là gì! Người biết hổ thẹn

khác nào mặc chiếc áo đẹp nhất trong các đồ trang sức. Sự biết thẹn ví như lưỡi câu thép ngăn ngừa người ta không phạm những điều phi pháp.

Này, Các thầy Tỷ khuru, các thầy hãy thường xuyên biết hổ thẹn, chớ có coi thường, quên lãng, xa lìa lòng hổ thẹn, tức tự mình đã đánh mất hết công đức rồi vậy. Người biết hổ thẹn ắt được hưởng mọi pháp lành. Người không biết hổ thẹn, đâu có khác gì loài cầm thú. 1

* Các thầy Tỷ khuru, nếu có người từ đâu đến đánh gãy chân tay..., các thầy hãy nén lòng tức giận, cũng như hãy giữ gìn miệng lưỡi, chớ có buông ra những lời chửi rủa. Còn để tâm tức giận là trái với đạo giải thoát, mất hết các công đức - Công đức của nhân nhục hơn cả trì giới và khổ hạnh. Ai có năng lực thực hành hạnh nhân nhục, thật xứng đáng là bậc đại nhân. Người nào không biết vui vẻ chịu đựng những lời xỉ vả ác độc như uống nước cam lộ, thì không thể gọi là người trí tuệ hiểu đạo. Vì sao? - Vì tức giận sẽ phá hoại các pháp lành, làm tổn thương đến thanh danh, người đời nay và người đời sau không ai còn muốn nhìn thấy mình nữa. Nên biết rằng : tâm tức giận còn độc hại hơn lửa nóng! Hãy đề phòng, gìn giữ, chớ để cho chúng len lỏi, đột nhập trong người ta. Bọn giặc cướp lấy công đức, vẫn không nguy hiểm bằng tức giận. Người tại gia đam mê sắc dục bởi họ không phải là người hành đạo, không có phương pháp để kiềm chế, nên có tức giận còn có thể tha thứ, chứ người xuất gia hành đạo, là người từ bỏ dục vọng, mà vẫn chứa trong lòng sự tức

giận, thì không nên vậy. Cũng như áng mây trắng hiền hòa đang trôi lơ lửng giữa bầu trời trong xanh, bỗng nhiên ầm ầm nổi cơn sấm sét, hẳn không thể nào thích hợp. 1

* Các thầy Tỷ khuru, khi cạo bỏ mớ tóc trên đầu, xa lìa mọi thứ trang sức ở đời, khoác trên vai tấm áo hoại màu, tay cầm bình bát, đi khát thực để tự nuôi sống; đã biết thực hiện như thế mà còn khởi tâm kiêu mạn, thì hãy sớm trừ diệt đi. Đến như người tại gia còn không nên kiêu mạn thay, huống nữa, người xuất gia hành đạo, đã tự hạ mình đi khát thực, chỉ vì mưu cầu giải thoát? ...1

* Các thầy Tỷ khuru, tính nịnh bợ, quanh co là trái với lẽ đạo, thế nên các thầy cần giữ tâm ngay thẳng. Phải nhớ rằng : nịnh bợ, quanh co là một thủ đoạn để lừa dối kẻ khác; người hành đạo thì không thể như thế. Cho nên điều căn bản mà các thầy phải giữ, đó là : **LÒNG NGAY THẮNG THẬT THÀ.** 1

* Các thầy Tỷ khuru, cần nên biết rằng : người càng nhiều dục vọng, thì sự tham cầu lợi lộc càng lắm và khổ não cũng rất nhiều.

Người ít dục vọng không tham cầu, không ham muốn, nên không bị khổ đau. Thực vậy, tâm ít dục vọng còn phải tu tập, hướng chỉ tính ít dục vọng thường hay sinh ra các công đức. Người ít dục vọng không nịnh bợ, quanh co để mong thu phục lòng người, cũng không bị "các căn" 3 lôi kéo. Người càng ít dục vọng thì tâm lúc nào cũng thanh thản, không bận chút lo âu, sợ hãi, gặp khi hữu sự vẫn thừa sức đối phó, mà lúc bình thường sống rất đậm bạc, đơn sơ. Người ít dục vọng có cảnh vui của niết bàn, như thế mới thực

đúng với ý nghĩa của chữ "thiếu dục". 1

* Các thầy Tỷ khuru, nếu muốn thoát các khổ não, cần phải "biết đủ" (tri túc). BIẾT ĐỦ LÀ PHƯƠNG PHÁP HOÀN HẢO AN VUI NHẤT MÀ NGƯỜI TA CẦN LẤY ĐÓ LÀM NƠI TRÚ ẨN. Người biết đủ tuy nằm trên đất cũng vẫn sung sướng. Người không biết đủ dầu ở thiên đường mà vẫn thấy không vừa ý. Người không biết đủ tuy giàu mà nghèo. Người biết đủ tuy nghèo mà giàu. Người không biết đủ thường làm nô lệ cho năm dục vọng⁴, thực đáng để cho người biết đủ xót thương... Đó gọi là biết đủ 1

* Các thầy Tỷ khuru, muốn trọn hưởng niềm vui trong sáng của niết bàn, cần nên tránh xa những chỗ ồn ào, tìm ở nơi thanh vắng. Người nào thường ở nơi thanh vắng, dầu là vua Đế Thích hay chư thiên đều phải kính trọng. Lý do : vì những người này đã thoát ly hẳn đồ chúng⁵ của mình và người, một mình ở nơi thanh vắng, cốt để suy tư về cõi rỗi của sự diệt khổ. Thật vậy, càng ở chỗ đông người, càng dễ bị người ta quấy phá. Như cây to lớn, các loài chim rủ nhau về đậu, tắt cây phải héo gãy. Người đời thường bị ràng buộc, đắm chìm trong những nỗi khổ ... đâu có khác gì con voi già yếu đi trên bùn lầy, mà không thể gỡ chân ra nổi. Người tỉnh thức hãy sớm tránh xa chỗ huyền ảo. 1

4 Năm món ham muốn : xem chú thích trang 25.

5 Đồ chúng : Sự : Chỉ cho hết thầy sự huyền ảo.

Lý : tức thân ngũ uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) và mọi phiền não.

3 Năm căn : xem chú thích trang 25.

* Các thầy Tỷ khuru, người siêng năng tinh tiến bất cứ công việc gì cũng làm xong, mà không coi là khó. Bởi thế, các thầy hãy siêng năng tinh tiến! Ví như dòng nước chảy không dừng, dầu là đá cũng có lúc bị xoi mòn. Nếu tâm người tu hành thường chán nản, lười biếng, khác nào khi dầu lửa, chưa được nóng đã thôi, lúc ấy dù muốn lấy lửa cũng không thể nào có được. Đó gọi là "tinh tiến". 1

* Các thầy Tỷ khuru, cầu có bạn hiền, cầu được sự hỗ trợ không gì bằng đừng quên mất chính niệm. Nếu không tự đánh mất chính niệm (bất vong niệm), thì bọn giặc phiền não không thể nào thâm nhập tâm hồn. Do đó, các thầy phải luôn luôn giữ cho tâm chính niệm. Để mất chính niệm, bao nhiêu công đức sẽ mất hết. Chính niệm là sức mạnh vạn năng sẽ giúp ta thắng lướt được đám giặc ngũ dục, không bị chúng bức hại. Như người mặc áo giáp ra trận, không hề biết sợ hãi là gì. Đó gọi là "bất vong niệm". 1

* Các thầy Tỷ khuru, nếu ai nhiếp phục được tâm thì tâm an định. Tâm định nên bất cứ tướng trạng sinh diệt của bất cứ vật thể nào hiện có ở thế gian cũng thấy biết cả. Vì thế, các thầy hãy tinh tiến tu tập pháp định. Người đắc định thì tâm không bao giờ tán loạn. Cũng như muốn chứa giữ nước, phải biết ngăn be bờ đê. Hành giả cũng thế, muốn cho suối nguồn trí tuệ không bị rỉ cạn, phải siêng năng tu phép thiền định. Đó gọi là tu "định". 1

* Các thầy Tỷ khuru, người có trí tuệ thì không còn tham đắm. Các thầy hãy tỉnh táo, tự soát xét mình, đừng bao giờ nhầm lẫn. Nếu thực hành đúng như thế, các thầy đã sống

trong giáo pháp của Ta, ắt được giải thoát. Nhược bằng trái lại, các thầy đã chẳng xứng đáng là người xuất gia nữa - cũng chẳng phải cư sĩ, không biết nên gọi các thầy là hạng người nào? !

Người có trí tuệ, như con thuyền bền chắc vượt thoát khỏi bể sinh tử luân hồi ; là ngọn đèn lớn chiếu sáng bức màn vô minh đen tối ; là phương thuốc hay chữa lành hết mọi tật bệnh ; là nhát búa sắc bén chặt đứt hết cây phiền não; do đó, các thầy phải lấy ba môn học căn bản là : VẤN (nghe), TƯ (nhớ), và TU mà trau dồi trí tuệ ngày thêm tiến ích. Người nào có ánh sáng trí tuệ, tuy mang đôi mắt thịt, nhưng lại là người minh kiến, có tầm vóc nhìn xa thấy rộng. Đó gọi là "trí tuệ". 1

* Các thầy Tỷ khuru, nếu còn hay hý luận, ắt tâm bị rối loạn, dẫu là người xuất gia cũng không bao giờ đạt được giải thoát. Là Tỷ khuru, các thầy hãy gấp từ bỏ hý luận, giữ tâm không loạn động. Nếu muốn hưởng trọn vẹn niềm vui an tịnh, cách tốt nhất, các thầy phải mau chóng trừ diệt tai họa hý luận kia đi. Đó gọi là "bất hý luận". 1

* Các thầy Tỷ khuru, trong khi tu tập công đức, các thầy hãy nhất tâm từ bỏ các tính phóng túng đông dờ như tránh xa oán tặc. Giáo pháp của Đấng đại bi Thế Tôn hoàn toàn có những lợi ích thiết thực. Các thầy nên lấy đó làm mẫu mực cho sự tu hành của mình : dù ở núi rừng, bên bờ suối, dưới gốc cây, hay trong tỉnh thất, hay ở bất cứ

nơi nào thanh vắng, các thầy hãy luôn nhớ nghĩ giáo pháp của Ta, chớ có lãng quên. Phải luôn luôn cố gắng tinh tiến tu hành. Nếu không làm gì..., chết uổng, chỉ kết liễu trong ân hận hối quá! Ta như vị lương y, coi bệnh cho thuốc, uống hay không uống, không phải lỗi ở lương y. Lại như kẻ dẫn đường giỏi, dắt loài người về nẻo chiùnh, nghe mà không chịu đi theo thì đó không phải là lỗi của kẻ dẫn đường. 1

* Các thầy Tỷ khuru, như pháp Tứ Đế (Catvāriyasyatyanu)6 đã giải rõ những nỗi khổ và sự diệt khổ, nếu còn chỗ nào khả nghi hãy gấp hỏi đi, không nên mang trong lòng sự ngờ vực mà không yêu cầu giải quyết.

Trong khi Đức Thế Tôn cao giọng nói như thế ba lần, nhưng không một vị nào "thỉnh vãn" - Vì sao ? Vì trong đại chúng không ai còn điều gì đáng nghi ngờ nữa cả.

6 Bốn Sự Thật :

- Sự thật thứ nhất : Sự khổ.
- Sự thật thứ hai : Nguyên nhân sự khổ.
- Sự thật thứ ba : Sự khổ tiêu diệt (giải thoát)
- Sự thật thứ tư : Phương pháp diệt trừ nguyên nhân sự khổ.

Ngay lúc ấy, Tôn giả A - Nâu - Lô - Đà (Anusudha) liền quan sát tâm tư đại chúng, rồi bạch với Đức Phật rằng : Kính lạy Đức Thế Tôn, mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, chứ chân lý Tứ Đế không thể nào khác được. Như Đức Phật dạy : KHỔ đế, sự thật là khổ, hẳn không có gì vui sướng cả. Mà chính TẬP đế là nhân (nguyên nhân gây ra mọi khổ đau), hẳn không có nhân nào khác. Vậy DIỆT khổ tức là diệt trừ nguyên nhân. Nhân mà diệt thì quả cũng bị diệt. ĐẠO DIỆT KHỔ TỨC LÀ CHÍNH ĐẠO, NGOÀI RA

KHÔNG CÒN ĐẠO NÀO KHÁC NỮA! Thừa Thế Tôn, các Tỷ khưu quyết không còn điều gì nghi ngờ đối với pháp Tứ Đế cả. Nhưng, giả thử trong đại chúng đây, có vị còn chưa hoàn thành đạo nghiệp mà Đức Phật đã diệt độ, hẳn phải buồn rầu? Nhưng có vị chỉ mới vào đạo, nghe Đức Phật thuyết pháp, liền được cứu độ. Ví như trong đêm tối chợt hiện ra ánh sáng, tức là thấy đạo. Cũng có vị đã HOÀN THÀNH ĐẠO NGHIỆP và ĐÃ ĐƯỢC CỨU ĐỘ thoát khỏi bể khổ, thì lại nghĩ rằng : sự diệt độ của Đức Thế Tôn sao đến mau quá !

Tôn giả A - Nâu - Lô - Đà vừa thốt ra lời ấy thì trong đại chúng thấy đều LIỄU NGỘ chân nghĩa Tứ Đế. Đức Thế Tôn lại một lần nữa, vì muốn cho đại chúng có tâm bền vững, nên đã rủ lòng đại bi mà ân cần dạy bảo thêm : l

* Các thầy Tỷ khưu, không nên mang lòng buồn thương sầu não, nếu Ta có ở đời thêm chừng một kiếp, rồi cũng tất phải chia ly! Hội tụ mà không chia ly thật chưa từng thấy bao giờ! Những việc "tự lợi, lợi tha" Ta đều đã dạy đầy đủ trong kinh điển, nếu có trụ thế lâu hơn nữa cũng chẳng ích gì! Những ai cần cứu độ, dù chư thiên hay loài người, đều đã được cứu độ, và những ai chưa được cứu độ cũng đều đã gây nhân duyên để được cứu độ. Từ nay về sau, các đệ tử của Ta phải biết triển chuyển thực hành, thì đó các thầy đã làm cho pháp thân thường trụ của Như Lai không bị hủy diệt! Tuy nhiên, cũng cần nên nhớ : Cuộc đời là vô thường. Hễ có hội tụ ắt có chia ly. Đừng ôm lòng sầu thảm. Tất cả sự tướng ở đời là như thế đó. Phải siêng năng tinh tiến mà sớm cầu giải thoát. Hãy lấy ánh sáng trí tuệ để diệt trừ mê tối. Cuộc đời thực là nguy khốn, không có chi bền chắc cả! Ta nay đã diệt trừ hẳn mọi nỗi nguy khốn, như trừ diệt cơn ác bệnh, và coi đây như trút bỏ được hết tội ác mà : (giả danh) gọi là cái "xác thân" cứ mãi bị đắm chìm trong bể lớn sinh, già, ốm, chết! Huống nữa, người có trí sáng, đã trừ diệt " mọi nỗi nguy khốn " như trừ diệt oán tặc, làm sao lại không vui mừng cho được ? l

* Các thầy Tỷ khưu, phải một lòng siêng năng tu đạo "xuất thế", sớm cầu ra khỏi những nỗi nguy khốn kia đi. Hết thấy sự tướng của các "Pháp", dù động hay bất động⁷ hiện có ở thế gian, đều hủy hoại, bất an. Các thầy, tới đây tạm chấm dứt, không nhắc lại nữa. Giờ đã điểm, Ta sắp diệt độ đây. Và đây là LỜI DẠY CUỐI CÙNG Ta trao lại cho các thầy.
III

7 Pháp động và bất động : cõi DỤC có 6 tầng trời thuộc pháp động. Cõi SẮC có 18 và VÔ SẮC có 4, cộng 28 cõi. Những cõi trời này, kiếp sống dài lâu, ngoại đạo chấp là thường, nên gọi là pháp động.